TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SÔNG CẦU** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26/10/2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Tiên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Long và ông Nguyễn Ngọc Chẩn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thúy Loan – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà: Ông Phan Đức Bình Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 77/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc "Ly hôn"

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 2001; nơi đăng ký thường trú: Thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên; trú tại: Thôn V, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T (anh T) trình bày: Anh T và chị Nguyễn Thị Th (chị Th) tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Cảnh, thị xã S, tỉnh Phú Yên ngày 01/8/2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng nhà cha mẹ anh T tại xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên một thời gian thì chuyển vào Thành phố Hồ Chí

Minh sinh sống. Thời gian đầu sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh T, chị Th có mâu thuẫn trong tình cảm vợ chồng, không thể hòa giải dẫn đến vợ chồng không còn chung sống từ tháng 3/2022 đến nay, mạnh ai nấy mạnh, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Anh T xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị Th nên yêu cầu ly hôn chị Th.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Gia P – sinh ngày 28/12/2018 (giới tính Nam) hiện do anh T nuôi dưỡng. Ly hôn anh T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu P, không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có lời trình bày và Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Anh T giữ nguyên yêu cầu về ly hôn, con chung, không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử tuân theo đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định. Các đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên xử chấp nhận yêu cầu của anh T, cho anh Tđược ly hôn chị Th; giao con chung cho anh Tnuôi dưỡng, chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh Tkhông yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên đề nghị HĐXX không xem xét. Anh Tphải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Hai bên đương sự có tranh chấp về ly hôn, bị đơn chị Th có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh T, chị Th có đủ điều kiện kết hôn và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân Cảnh ngày 01/8/2019 đúng quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp. Anh Txác định không còn tình cảm vợ chồng với chị Th, không muốn tiếp tục cuộc sống

vợ chồng với chị Th xuất phát từ nguyên nhân mâu thuẫn trong tình cảm vợ chồng không thể hòa giải, dẫn đến anh T, chị Th sống ly thân từ tháng 3/2022 đến nay. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập chị Th nhưng chị Th không có mặt làm việc, không có thiện chí hóa giải mâu thuẫn để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, có căn cứ thấy rằng mâu thuẫn của anh T, chị Th không thể khắc phục, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T, cho anh Tđược ly hôn chị Th.

[3] *Về con chung:* Có 01 con chung tên Nguyễn Gia P– sinh ngày 28/12/2018. Từ khi anh T và chị Th sống ly thân, con chung do anh T nuôi dưỡng. Xét thấy yêu cầu của anh T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là có cơ sở và phù hợp hoàn cảnh thực tế nên được chấp nhận. Anh T không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Không giải quyết.

[5] *Về án phí:* Nguyên đơn anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh Nguyễn Thanh T được ly hôn chị Nguyễn Thị Th.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Gia P– sinh ngày 28/12/2018. Giao anh Nguyễn Thanh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Gia Phúc. Chị Nguyễn Thị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng tại Biên lai thu tiền số 0003035 ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản

án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự (02);
- VKSND TX.Sông Cầu (02);
- TAND tỉnh Phú Yên (01);
- Chi cục THA TX.Sông Cầu (01);
- UBND xã Xuân Cảnh (01);
- Án văn (01);
- Lưu hs (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Phạm Thị Ngọc Tiên